

NV

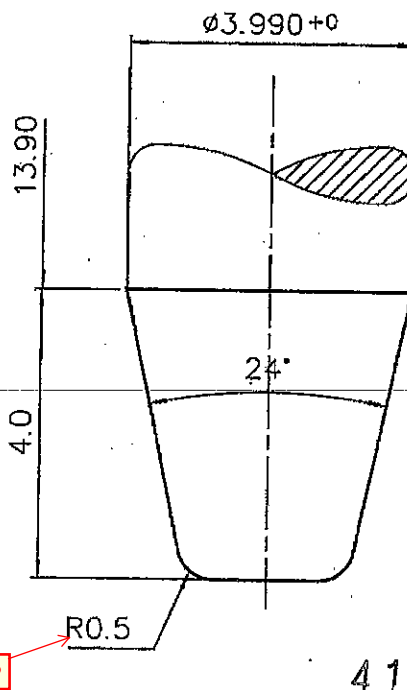
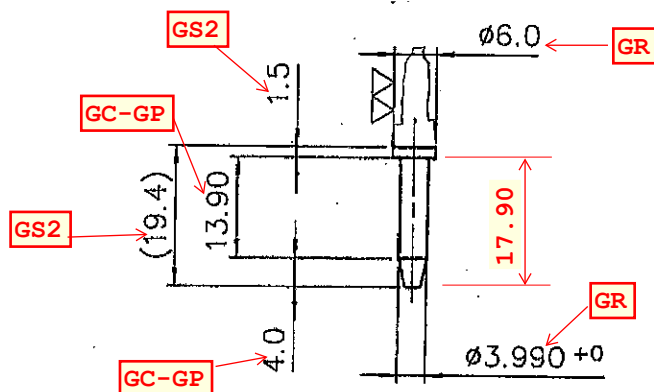
3/1/7

訂正Rev	日	付	記	畢	擔	當	金型加工公差表示			
							0.0000	±0.002	0.000 ⁺⁰	+0 -0.005
							0.000	±0.005	0.000-0	+0.005 -0
							0.00	±0.01	0.00 ⁺⁰	+0 -0.01
							0.0	±0.1	0.00-0	+0.01 -0
							0.	±0.2	0.0 ⁺⁰	+0 -0.1
									0.0-0	+0.1 -0

GS1
-Cắt hết lỗ chống tâm
-Mài 2 đầu kích thước 17.90=>17.8.
Chú ý các Pcs đều nhau.

圖面上有公差表示時,以圖面公差優先

G (▽▽)



* lam 2 p 20

414.912 0477

TWM原紙

部 品 名		材 質		數 量		設 備 名 稱	
パイロットピン		WC(D40/HIP)		34		小ケース板	
熱 處 理		表 面 處 理		檢 圖		製 圖	
焼入 HRC				張富榮		賴振鵬	
尺 度		第三圖面		日 期		共通部品番號	
1:1 (/)		角法番號		01/10/1996			
		S029226		訂正REV			
				PS10-001K-00-1-151-AA			

φ7 x 30

萬寶至馬達股份有限公司 v.1

SNO: **S029226**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG: **2 PCS**

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD40 Ø6*30	GR:40 GS1:10 GC:15 GP:20 GS2:15 KT